

Bản án số: 599/2019/KDTM-PT

Ngày: 26/6/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trinh

Bà Nguyễn Thu Chinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: bà Nguyễn Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, ngày 20 và 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/KDTM-PT ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1944/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 3384/QĐ-PT ngày 22/5/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế V

Địa chỉ: Tầng 1, tầng 6,7 Tòa nhà C, số 16 T, phường P, quận K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà N

(Giấy ủy quyền số: 01/CV-VIB ngày 22/5/2019)

2. Bị đơn: Ông H, bà Đ.

Cùng trú tại: 5M19/6 ấp 5 xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông M, bà G, ông D

Cùng trú tại: số 217 ấp 4 xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2016 cùng các tài liệu khác của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện nguyên đơn:

Ngày 18/5/2011 Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế V (viết tắt là V) có ký hợp đồng tín dụng số 0308/HĐTD1-VIB630/11 với ông H và bà Đ cho vay số tiền 980.000.000 đồng, mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 22.3%/năm, điều chỉnh 1 tháng/1 lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn 1 tháng cộng biên độ 3.3%/năm. Tài sản bảo đảm nghĩa vụ tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0308/HĐTC-VIB630/11 ngày 18/5/2011 gồm:

- Quyền sử dụng đất số 00279/QSDĐ/0401.LA do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An cấp ngày 07/3/1997 cho ông M và bà P (phần đất thuộc thửa số 1114, 1115 tờ bản đồ số 1, xã Long Định, huyện Cần Đức).

- Quyền sử dụng đất số 02404/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An cấp ngày 26/8/2003 cho ông M và bà P (phần đất thuộc thửa số 1120, 1121 tờ bản đồ số 1, xã Long Định, huyện Cần Đức).

Do ông H và bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ngân hàng V khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Ngày 26/9/2017, ngân hàng V rút một phần và thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu ông H và bà Đ trả ngay cho ngân hàng số nợ gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.031.093.750 đồng. Không yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0308/HĐTC-VIB630/11 ngày 18/5/2011. Trong trường hợp ông H, bà Đ không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng V được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản là quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.760,5m² thuộc thửa 736 tờ bản đồ số 5 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03375 cấp cho ông M ngày 31/12/2011), theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế

chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bên vay số 0308.01/HĐSĐBSTC-VIB630/11 ngày 24/3/2017.

Bị đơn là ông H và bà Đ thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng V để vay số tiền trên nhưng thực tế ông bà vay giùm ông D. Số nợ gốc và lãi phải trả là 2.383.234.478 đồng, ông H yêu cầu ngân hàng giảm lãi và cho thêm thời gian để trả nợ.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông M trình bày: ngày 24/3/2017, nguyên đơn, bị đơn cùng ông M đã ký hợp đồng số 0308.1/HĐSĐBSTC-VIB630/11 thế chấp phần đất thuộc sở hữu của ông M có diện tích 1.760,5m² thuộc thửa 736 tờ bản đồ số 5 xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An để tiếp tục bảo đảm cho khoản nợ còn lại là 280.000.000 đồng và lãi phát sinh. Cùng ngày 24/3/2017, ông M ký hợp đồng ủy quyền, ủy quyền cho Chi nhánh công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng TMCP Quốc tế V (VAMC) được toàn quyền quyết định và thực hiện bán, chuyển nhượng tài sản trên để thu hồi nợ.

Bà Đ, ông H, ông D, ông M, bà G vắng mặt trong tất cả các lần hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Bản án kinh doanh thương mại số 12/2018/KDTM-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 94, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông H và bà Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V số tiền gốc là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi 2.031.093.750 đồng (hai tỷ không trăm ba mươi một triệu không trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi mà ông H và bà Đ phải thanh toán là 2.311.093.750 (hai tỷ ba trăm mười một triệu không trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng), trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông H và bà Đ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0308/HĐTD1-VIB630/11 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V với ông H và bà Đ

đối với số dư nợ gốc tính từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông H và bà Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên, Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 0308.01/HĐSDBSTC-VIB630/11 ngày 24/3/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V với ông H và bà Đ, ông D được chứng nhận của Phòng công chứng số 02 tỉnh Long An là quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.760,5m² thuộc thửa 736 tờ bản đồ số 5 xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03375 cấp cho ông M ngày 31/12/2011) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông H và bà Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 78.221.875 (Bảy mươi tám triệu hai trăm hai mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V số tiền 39.832.245 (ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi lăm) đồng theo biên lai thu số 0020194 ngày 22/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ án thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/01/2019, ông H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm về phần nợ lãi mà ông phải chịu là 2.031.093.750 đồng với lý do ngân hàng đã hứa sẽ giảm lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu ngân hàng thực hiện theo hợp đồng ủy quyền mà ông M đã ủy quyền cho Chi nhánh công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng TMCP Quốc tế V (VAMC) về việc được toàn quyền quyết định và thực hiện

bán, chuyển nhượng phần diện tích đất 1.760,5m² thuộc thửa 736 tờ bản đồ số 5 xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An để thu hồi nợ. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về khoản nợ gốc 280.000.000 đồng. Về tiền lãi, do ngân hàng nhầm lẫn thời gian tính lãi suất quá hạn tại sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại số tiền lãi mà ông H và bà Đ phải trả như sau:

- Đối với khoản nợ vay 980.000.000 đồng, thời gian tính lãi suất từ ngày 19/5/2011 đến 16/11/2016, lãi trong hạn (21,80%/năm): 1.083.036.111 đồng, lãi quá hạn (10,9%/năm): 541.518.056 đồng.

- Đối với khoản nợ 280.000.000 đồng, thời gian tính lãi suất từ ngày 17/11/2016 đến 24/10/2018, lãi trong hạn (21,80%/năm): 119.875.778 đồng, lãi quá hạn (10,9%/năm): 59.937.889 đồng.

Bị đơn đã trả tiền lãi 98.918.633 đồng trừ vào lãi quá hạn nên tổng cộng số tiền lãi còn phải trả là 1.211.131.756 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và thu thập chứng cứ trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 và điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đình chỉ hai yêu cầu mà nguyên đơn đã rút về nợ gốc và tài sản bảo đảm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Ông M, bà G, ông D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các ông bà nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nhận định về yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Hợp đồng tín dụng số 0308/HĐTD1-VIB630/11 ngày 18/5/2011 giữa ngân hàng V với ông H và bà Đ có hình thức, nội dung đúng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng của bị đơn đã phát sinh kể từ thời điểm các bên ký kết hợp đồng tín dụng và ký khế ước nhận nợ. Bị đơn không trả nợ là vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không đồng ý số tiền lãi ngân hàng yêu cầu; ngân hàng V đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh số nợ lãi và không thay đổi về nợ gốc. Xét thấy thời gian tính lãi suất cũng như mức lãi suất trong hạn 21,80% và mức lãi suất quá hạn 10,9% phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận khoản tiền lãi do ngân hàng V yêu cầu từ ngày 19/5/2011 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 24/10/2018, số tiền lãi trong hạn: 1.211.131.756 đồng, lãi quá hạn: 601.455.944 đồng. Như vậy, ông H và bà Đ phải trả cho ngân hàng V là 2.092.587.700 đồng, trong đó nợ gốc 280.000.000 đồng, nợ lãi 1.812.587.700 đồng.

[2.2] Nhận định về bản án sơ thẩm: Do bị đơn đã trả 700.000.000 đồng trong thời gian Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án nên nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 280.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 2.031.093.750 đồng, rút yêu cầu đối với việc phát mãi tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0308/HĐTC- VIB 630/11 ngày 18/5/2011. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện như trên là phù hợp thực tế và không trái quy định pháp luật. Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nhưng không đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút là chưa giải quyết toàn diện vụ án và chưa đúng với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn và bị đơn trong trường hợp các bên trả nợ, không trả nợ hoặc tài sản bảo đảm khoản vay không đủ trả nợ, Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng chưa giải quyết đầy đủ để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

[2.3] Sau khi xem xét các chứng cứ tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông H có cơ sở chấp nhận, những thiếu sót của bản án sơ thẩm cần được khắc phục. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi, đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện

mà nguyên đơn đã rút tại sơ thẩm. Các phần quyết định khác bị đơn không kháng cáo nên đã phát sinh hiệu lực.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì do các bên có thỏa thuận trả lãi và mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng nên kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông H, bà Đ còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0308/HĐTD1-VIB630/11 ngày 18/5/2011.

[3] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 73.851.754 đồng tính trên nghĩa vụ về số tiền phải trả cho nguyên đơn là 2.092.587.700 đồng.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông H được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm nên ông H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 30, 38, 147, 148, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V (V) về yêu cầu buộc bị đơn phải trả số nợ gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và yêu cầu phát mãi hai tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0308/HĐTC-VIB630/11 ngày 18/5/2011 gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1114, 1115 tờ bản đồ số 1, xã Long Định, huyện Cần Đức theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00279/QSDĐ/0401 ngày 07/3/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An cấp cho hộ ông M.

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 1120, 1121 tờ bản đồ số 1, xã Long Định, huyện Cần Đức theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02404/QSDĐ ngày 26/8/2003 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đức cấp cho hộ ông M.

[2] Buộc ông H và bà Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V (V) số nợ 2.092.587.700 (hai tỷ không trăm chín mươi hai triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm) đồng, trong đó nợ gốc là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi 1.812.587.700 (một tỷ tám trăm mười hai triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm) đồng. Thi hành một lần tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông H và bà Đ không thi hành các khoản tiền phải thi hành án thì ông H và bà Đ còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0308/HĐTD1-VIB630/11 ngày 18/5/2011.

[3] Ngay sau khi ông H và bà Đ thanh toán hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V (V) có trách nhiệm trả lại toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đã thế chấp tại Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bên vay số 0308.01/HĐSĐBSTC-VIB630/11 ngày 24/3/2017 và làm thủ tục giải tỏa tài sản thế chấp.

Trường hợp ông H và bà Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V (V) được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là phần diện tích đất 1.760,5m² thuộc thửa 736 tờ bản đồ số 5 xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03375 ngày 31/12/2011, chủ sở hữu ông M theo thỏa thuận tại Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bên vay số 0308.01/HĐSĐBSTC-VIB630/11 ngày 24/3/2017.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ thì ông H và bà Đ còn phải tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V (V) không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 39.832.345 (ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi lăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020194 ngày 22/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H và bà Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 73.851.754 (bảy mươi ba triệu tám trăm năm mươi một nghìn bảy trăm năm mươi bốn) đồng.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông H không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho ông H đã nộp 1.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0006742 ngày 18/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0006692 ngày 08/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Huyện Bình Chánh;
- VKS ND TP Hồ Chí Minh;
- Chi Cục THADS H. Bình Chánh;
- Cục THA DS TP Hồ Chí Minh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Đoan Trang